CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

HÀ NỘI, THÁNG 4 NĂM 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	**TRANG**
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên
Ông Vũ Đình Trường	Thành viên
Ông Ngô Văn Chăm	Thành viên
Ông Ngô Thành An	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Ngô Đức Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Thành An	Phó Tổng giám đốc
Bà Tạ Thị Thủy	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng gám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Ngô Đức Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Số: 323 -18/BC-TC/BKTTC-VAE

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Cầu Đuống

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là "Công ty") *được lập ngày 28/03/2018, từ trang 06 đến trang 32,* bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính năm 2016 và năm 2017 của Công ty CP Cầu Đuống Sông Hóa là Công ty con của Công ty CP Cầu Đuống chưa được kiểm toán và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2017 của công ty là 8.611.666.701 đồng (31/12/2016 là 9.240.878.375 đồng). Chúng tôi không được tiếp cận đầy đủ các thông tin tài chính và Ban lãnh đạo của Công ty nêu trên, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến số liệu tài chính của công ty trên tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn đang được Công ty trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết và được hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Chúng tôi chưa được cung cấp hồ sơ tài liệu và Báo cáo tài chính năm 2017 để xác định tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn cũng như không có cơ sở để xem xét việc hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2018-034-1

Ngô Bá Thiêm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3422-2015-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**47.222.109.889**	**40.754.975.210**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1.**	**3.120.728.295**	**5.927.739.928**
1. Tiền	111		1.123.190.378	1.927.739.928
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.997.537.917	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2.**	**5.080.642.963**	**4.024.683.544**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.080.642.963	4.024.683.544
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**18.615.429.457**	**10.954.107.207**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	9.941.403.510	8.698.046.260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	179.768.404	417.592.688
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	2.797.404	9.216.200
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	8.662.072.577	2.384.262.329
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(170.612.438)	(555.010.270)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**19.787.842.970**	**19.249.561.469**
1. Hàng tồn kho	141	V.8.	20.535.378.401	20.299.168.026
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(747.535.431)	(1.049.606.557)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**617.466.204**	**598.883.062**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13.	13.190.001	30.856.001
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.055.260	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16.	518.124.643	498.930.761
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		69.096.300	69.096.300
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**27.541.510.088**	**42.115.986.158**
II. Tài sản cố định	**220**	**V.12.**	**23.741.547.153**	**36.888.360.466**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		23.741.547.153	29.374.949.811
- Nguyên giá	222		*82.362.236.015*	*88.574.962.188*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(58.620.688.862)*	*(59.200.012.377)*
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	7.513.410.655
- Nguyên giá	228		-	*9.160.428.652*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		-	*(1.647.017.997)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**V.11.**	**2.656.363.636**	**2.656.363.636**
- Nguyên giá	231		2.656.363.636	2.656.363.636
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**897.707.143**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	-	897.707.143
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.2.**	**230.000.000**	**240.000.000**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		230.000.000	240.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**913.599.299**	**1.433.554.913**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13.	913.599.299	1.433.554.913
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**74.763.619.977**	**82.870.961.368**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**29.765.525.514**	**44.307.280.477**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**29.723.173.304**	**43.391.121.422**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14.	2.192.696.771	13.036.446.700
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15.	536.557.953	30.915.106
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16.	1.977.497.327	5.822.355.541
4. Phải trả người lao động	314		1.254.973.417	1.943.083.042
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17.	107.796.723	143.818.381
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	16.286.810.253	13.701.031.944
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20.	7.421.599.300	8.770.649.148
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(54.758.440)	(57.178.440)
II. Nợ dài hạn	**330**		**42.352.210**	**916.159.055**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19.	9.429.909	27.000.127
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20.	2.800.000	2.800.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		30.122.301	886.358.928
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**44.998.094.463**	**38.563.680.891**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.21.**	**44.798.094.463**	**38.363.680.891**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		34.649.950.000	34.649.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		*34.649.950.000*	*34.649.950.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		769.975.000	769.975.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(840.000)	(840.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.353.131.528	10.353.131.528
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.155.437.702)	(8.542.774.783)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		*(8.542.774.783)*	*(13.461.076.079)*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		*7.387.337.081*	*4.918.301.296*
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		181.315.637	1.134.239.146
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**200.000.000**	**200.000.000**
1. Nguồn kinh phí	431		200.000.000	200.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**74.763.619.977**	**82.870.961.368**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Chử Đình Dũng	Chử Đình Dũng	Ngô Đức Dũng

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1.**	**42.764.710.223**	**69.930.921.303**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**42.764.710.223**	**69.930.921.303**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	29.927.800.626	54.862.679.607
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**12.836.909.597**	**15.068.241.696**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	3.177.770.333	97.805.170
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	1.054.785.398	229.657.461
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*167.288.929*	*228.635.277*
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				
9. Chi phí bán hàng	24	VI.7.	864.432.765	1.781.993.291
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7.	7.354.446.844	9.690.074.537
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	**30**		**6.741.014.923**	**3.464.321.577**
12. Thu nhập khác	31	VI.5.	578.146.798	1.495.244.603
13. Chi phí khác	32	VI.6.	1.455.887.002	1.044.373.047
14. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	**40**		**(877.740.204)**	**450.871.556**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**5.863.274.719**	**3.915.193.133**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9.	-	(50.170.139)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**5.863.274.719**	**3.965.363.272**
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			7.387.337.081	4.918.301.296
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			(1.524.062.362)	(952.938.024)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	2.132	1.419

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Chử Đình Dũng	Chử Đình Dũng	Ngô Đức Dũng

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***5.863.274.719***	***3.915.193.133***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.500.947.277	4.490.485.515
-	Các khoản dự phòng	03		(686.468.958)	1.087.011.173
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(231.705)	(1.892.272)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(81.818.182)	(193.902.431)
-	Chi phí lãi vay	06		167.288.929	228.635.277
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***8.762.992.080***	***9.525.530.395***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.319.592.356)	1.098.601.902
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(236.210.375)	4.692.874.230
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		369.372.212	(4.998.440.568)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		537.621.614	57.299.484
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(181.907.547)	(258.604.036)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	3.450.000
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***1.932.275.628***	***10.120.711.407***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.079.780.928)	(1.289.598.269)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		81.818.182	1.122.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.055.959.419)	(3.024.683.544)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.418.796	34.940.500
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		10.000.000	20.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		469.285.831	95.912.898
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(4.568.217.538)***	***(3.041.428.415)***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
3.	Tiền thu từ đi vay	33		10.004.925.955	8.214.715.428
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.176.227.383)	(10.830.193.680)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(171.301.428)***	***(2.615.478.252)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(2.807.243.338)**	**4.463.804.740**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**5.927.739.928**	**1.462.042.916**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		231.705	1.892.272
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**V.01**	**3.120.728.295**	**5.927.739.928**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Chử Đình Dũng	Chử Đình Dũng	Ngô Đức Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 16/05/2006 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Đầu tư xây dựng và Sản xuất vật liệu Cầu Đuống thành Công ty Cổ phần Cầu Đuống. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 26/06/2006. Công ty có 08 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104997 thay đổi lần thứ tám ngày 24/11/2014 thì vốn điều lệ của Công ty là: **34.649.110.000 đồng** *(Ba mươi tư tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, một trăm mười nghìn đồng).*

Tổng số cổ phần là 3.464.911.000 cổ phần;
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
+ Giám sát thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
+ Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
+ Kinh doanh và làm vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng;
+ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất phục vụ chuyên ngành xây dựng;
+ Kinh doanh vận chuyển đường bộ, kinh doanh bốc xếp, bến thủy nội địa;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
+ Chuyển giao công nghệ vật liệu xây dựng.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết:
+ Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết:
+ Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất và các vật liệu khác.
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết:
+ Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
+ Lập, quản lý, thực hiện các dự án phát triển nhà, hạ tầng đô thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký).
- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
(Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật)

Trụ sở Công ty tại: Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. Cấu trúc Công ty

a) Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

1.	Công ty Cổ phần Cầu Đuống Sông Hóa	Địa chỉ: Thụy Việt - Thái Thụy - Thái Bình Hoạt động chính: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ thương mại. Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 88,98% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88,98%
2.	Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng	Địa chỉ: Cụm 6 - phường Quán Trữ - Kiến An - Hải Phòng Hoạt động chính: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ. Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

Ngày 12/05/2017, Công ty đã thoái toàn bộ số vốn đầu tư Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng.

b) Thông tin chi tiết về công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn	Địa chỉ: Tổ 5, Phùng Chí Kiên, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Hoạt động chính: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm chịu lửa. Lý do không hợp nhất: không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Riêng Công ty con là Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng không lập Báo cáo tài chính tại thời điểm thoái vốn (ngày 12/05/2017) nên Báo cáo tài chính của Công ty này được sử dụng để hợp nhất là Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 là Báo cáo tài chính được lập tại thời điểm gần nhất với thời điểm thoái vốn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Khoản góp đầu tư vào công ty liên kết của Công ty là khoản góp vốn vào Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn có thời hạn thu hồi trên một năm được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc.

Công ty không có khoản cho vay nào cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07
- Tài sản cố định khác	03

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán và giá trị chuyển giao công nghệ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm >*
- Quyền sử dụng đất	33
- Phần mềm kế toán	03
- Giá trị chuyển giao công nghệ	05

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lời từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Công ty không khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm chi phí xây dựng nhà kho đất than xí nghiệp Mai Lâm, được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán theo từng hạng mục công trình, công trình hoặc chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không có số dư vay gốc ngoại tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay được xác định vào hợp đồng, khế ước vay, thời gian vay thực tế; khoản trích trước tiền ăn ca tháng 12 của cán bộ công nhân viên được xác định dựa vào bảng chấm công, các loại chi phí trên được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê đất; được ghi nhận trên cở sở hợp đồng thuê đất, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục" Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm vật liệu xây dựng, doanh thu bán sản phẩm cơ khí, cung cấp dịch vụ, vận chuyển, tư vấn, thiết kế, cho thuê nhà xưởng – kho bãi, doanh thu hoạt động xây lắp và doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần Công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây lắp

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, số dư các khoản cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Riêng giá vốn hoạt động xây lắp (lò gạch) để đảm bảo kinh doanh có lãi, Công ty thực hiện giao khoán cho các xí nghiệp với tỷ lệ 95%-97% giá trị công trình (tùy thuộc vào điều kiện thực tế mà tỷ lệ giao khoán của từng công trình có thể thay đổi). Do vậy chi phí giá vốn hoạt động xây lắp lò gạch được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh và không vượt quá tỷ lệ giao khoán trong từng hợp đồng.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chi phí dự phòng…

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

19.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 5% đối với doanh thu từ chuyển giao công nghệ, 10% đối với doanh thu bán vật liệu xây dựng, hoạt động xây lắp, tư vấn thiết kế và doanh thu khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2017, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi, tuy nhiên Công ty thực hiện chuyển lỗ nên không phải nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền	**1.123.190.378**	**1.927.739.928**
Tiền mặt	*156.408.002*	*168.162.659*
Tiền gửi ngân hàng	*966.782.376*	*1.759.577.269*
Các khoản tương đương tiền (*)	**1.997.537.917**	**4.000.000.000**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội	1.997.537.917	4.000.000.000
Cộng	**3.120.728.295**	**5.927.739.928**

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc nhỏ hơn 3 tháng.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	**5.080.642.963**	**5.080.642.963**	**4.024.683.544**	**4.024.683.544**
Tiền gửi có kỳ hạn	5.080.642.963	5.080.642.963	4.024.683.544	4.024.683.544
Tổng cộng	**5.080.642.963**	**5.080.642.963**	**4.024.683.544**	**4.024.683.544**

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	230.000.000	240.000.000
Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn (*)	*230.000.000*	*240.000.000*
Cộng	**230.000.000**	**240.000.000**

(*) Do Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH Gốm xây dựng Bắc Kạn nên khoản đầu tư vào Công ty nêu trên được Công ty ghi nhận theo giá gốc của khoản đầu tư.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư thương mại và Xây dựng Cầu Đuống	310.370.738	-	906.179.476	-
Công ty TNHH Nho Quý	440.000.000	-	440.000.000	-
Công ty TNHH Lâm Phương	313.571.791	-	342.125.576	-
Công ty CP Creat capital	947.460.000	-	1.147.460.000	-
Doanh nghiệp tư nhân số 1 Điện Biên	576.643.160	-	1.901.518.470	-
Công ty CP gạch ngói	1.049.359.542	-	-	
Công ty TNHH Tiến Lương	1.416.041.000	-	-	
Các đối tượng khác	4.887.957.279	150.612.438	3.960.762.738	343.010.270
Cộng	**9.941.403.510**	**150.612.438**	**8.698.046.260**	**343.010.270**

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty Thiết kế khảo sát đo đạc	-	-	92.000.000	92.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tài nguyên môi trường Hà Nội	60.000.000	-	60.000.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Banika	-	-	95.200.284	-
Các đối tượng khác	119.768.404	-	170.392.404	-
Cộng	**179.768.404**	-	**417.592.688**	**92.000.000**

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Vũ Duy Thành	2.797.404	-	9.216.200	-
Cộng	**2.797.404**	-	**9.216.200**	-

6. Phải thu khác

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Tạm ứng	7.907.690.383	-	1.291.136.683	-
Nguyễn Xuân Tưởng (Xí nghiệp gốm Mai Lâm)	*65.000.000*	-	*65.000.000*	-

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Nguyễn Hữu Minh (Xí nghiệp cơ khí)	*3.407.729.083*	-	*1.013.189.683*	-
Ngô Thành An (Xí nghiệp cơ khí)	*4.225.655.600*	-	-	-
Đối tượng khác	*209.305.700*	-	*212.947.000*	-
- Phải thu khác	754.382.194	20.000.000	1.093.125.646	120.000.000
Công ty Thiết kế khảo sát đo đạc	-	-	*100.000.000*	*100.000.000*
Nguyễn Hữu Mạnh	*385.245.695*	-	*435.245.695*	-
Đối tượng khác	*369.136.499*	*20.000.000*	*557.879.951*	*20.000.000*
Cộng	**8.662.072.577**	**20.000.000**	**2.384.262.329**	**120.000.000**

b) Phải thu khác là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

7. Nợ xấu

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	**Giá trị có thể thu hồi**	**Giá gốc**	**Giá trị có thể thu hồi**
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng	***225.869.038***	***75.256.600***	***441.907.126***	***98.896.856***
Công ty CP Xây dựng 556	49.334.844	-	49.334.844	-
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng đô thị Hà Nội	35.256.600	35.256.600	115.256.600	-
Công ty TNHH Ngọc Anh	40.000.000	40.000.000	102.907.827	-
Công ty TNHH Toto Việt Nam	34.742.594	-	34.742.594	10.422.778
Xí nghiệp 3 - UDIC	-	-	73.130.261	21.939.078
Công ty CP Hoa Phong	66.535.000	-	66.535.000	66.535.000
Trả trước người bán	-	-	***92.000.000***	-
Công ty thiết kế, khảo sát đo đạc	-	-	92.000.000	-
Phải thu khác	***20.000.000***	-	***120.000.000***	-
Tiền bảo lãnh thuê nhà - CN Hải Phòng	20.000.000	-	20.000.000	-
Công ty thiết kế, khảo sát đo đạc	-	-	100.000.000	-
Cộng	**245.869.038**	**75.256.600**	**653.907.126**	**98.896.856**

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Nguyên liệu, vật liệu	7.110.224.019	-	7.034.155.092	-
Công cụ, dụng cụ	55.075.540	-	54.899.683	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.221.736.468	-	6.160.255.656	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thành phẩm	10.148.342.374	747.535.431	7.049.857.595	1.049.606.557
Cộng	**20.535.378.401**	**747.535.431**	**20.299.168.026**	**1.049.606.557**

(*) Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 302.071.126 VND. Lý do dẫn đến hoàn nhập là do trong năm Công ty đã tiêu thụ được một số hàng tồn kho đã trích lập dự phòng.

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Nhà kho đất than Xí nghiệp Mai Lâm	-	897.707.143
Cộng	**-**	**897.707.143**

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Giá trị chuyển giao công nghệ	Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2017	**8.978.217.352**	**12.000.000**	**170.211.300**	**9.160.428.652**
Giảm khác (*)	(8.978.217.352)	(12.000.000)	(170.211.300)	**(9.160.428.652)**
Số dư ngày 31/12/2017	-	-	-	-
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư ngày 01/01/2017	**1.560.975.737**	**12.000.000**	**74.042.260**	**1.647.017.997**
Giảm khác (*)	(1.560.975.737)	(12.000.000)	(74.042.260)	**(1.647.017.997)**
Số dư ngày 31/12/2017	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	**7.417.241.615**	-	**96.169.040**	**7.513.410.655**
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-	-

(*) Giảm khác là do trong năm Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng - Công ty con.

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

11.1 Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2017
Nguyên giá	**2.656.363.636**	-	-	**2.656.363.636**
Quyền sử dụng đất	2.656.363.636	-	-	2.656.363.636
Tổn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	**2.656.363.636**	-	-	**2.656.363.636**
Quyền sử dụng đất	2.656.363.636	-	-	2.656.363.636

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2017	**39.833.940.473**	**40.388.948.004**	**7.382.089.827**	**580.179.115**	**389.804.769**	**88.574.962.188**
Mua trong năm	-	2.641.143.101	409.090.909	-	-	**3.050.234.010**
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.927.254.061	-	-	-	-	**1.927.254.061**
Thanh lý, nhượng bán	-	(428.571.428)	(670.324.181)	-	-	**(1.098.895.609)**
Giảm khác (*)	(4.964.488.068)	(4.519.605.798)	(217.420.000)	-	(389.804.769)	**(10.091.318.635)**
Số dư ngày 31/12/2017	**36.796.706.466**	**38.081.913.879**	**6.903.436.555**	**580.179.115**	**-**	**82.362.236.015**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư ngày 01/01/2017	**25.910.007.671**	**27.192.490.062**	**5.254.434.001**	**530.108.361**	**312.972.282**	**59.200.012.377**
Khấu hao trong năm	1.172.156.647	1.841.719.466	464.470.308	22.600.856	-	**3.500.947.277**
Thanh lý, nhượng bán	-	(428.571.428)	(458.790.047)	-	-	**(887.361.475)**
Giảm khác (*)	(1.310.733.648)	(1.527.505.944)	(105.838.933)	-	(248.830.792)	**(3.192.909.317)**
Số dư ngày 31/12/2017	**25.771.430.670**	**27.078.132.156**	**5.154.275.329**	**552.709.217**	**64.141.490**	**58.620.688.862**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	**13.923.932.802**	**13.196.457.942**	**2.127.655.826**	**50.070.754**	**76.832.487**	**29.374.949.811**
Tại ngày 31/12/2017	**11.025.275.796**	**11.003.781.723**	**1.749.161.226**	**27.469.898**	**(64.141.490)**	**23.741.547.153**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 5.585.285.697 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.956.551.438 VND (Tại thời điểm 31/12/2016 là 20.466.066.793 VND)

(*) Giảm khác là do trong năm Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng - Công ty con.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	***13.190.001***	***30.856.001***
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	13.190.001	30.856.001
b) Dài hạn	***913.599.299***	***1.433.554.913***
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	910.636.799	705.365.037
Chi phí thuê đất	-	725.227.376
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.962.500	2.962.500
Cộng	**926.789.300**	**1.464.410.914**

14. Phải trả người bán

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp	-	-	10.991.445.400	10.991.445.400
Công ty Cổ phần Sơn Lâm	314.603.636	314.603.636	346.064.000	346.064.000
Các đối tượng khác	1.878.093.135	1.878.093.135	1.698.937.300	1.698.937.300
Cộng	**2.192.696.771**	**2.192.696.771**	**13.036.446.700**	**13.036.446.700**

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại ACB	5.386.000	5.386.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Anh	500.000.000	-
Các đối tượng khác	31.171.953	25.529.106
Cộng	**536.557.953**	**30.915.106**

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	793.812.443	2.400.440.808	3.075.838.030	118.415.221
Thuế thu nhập doanh nghiệp	405.393.007	-	-	405.393.007
Thuế thu nhập cá nhân	18.407.856	24.806.193	10.051.600	33.162.449
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.367.983.813	1.793.438.746	4.976.045.900	1.185.376.659
Các loại thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	236.758.422	23.706.084	25.314.515	235.149.991
Cộng	**5.822.355.541**	**4.252.391.831**	**8.097.250.045**	**1.977.497.327**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

b) Phải thu

Thuế thu nhập doanh nghiệp	498.930.761	5.500.000	-	493.430.761
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	24.693.882	24.693.882
Cộng	**498.930.761**	**5.500.000**	**24.693.882**	**518.124.643**

17. Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	32.258.882	46.877.500
Tiền ăn ca phải trả	75.537.841	96.940.881
Cộng	**107.796.723**	**143.818.381**

18. Phải trả khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn;	164.326.068	69.110.385
- Bảo hiểm xã hội;	123.557.700	137.164.300
- Bảo hiểm y tế;	22.579.200	57.482.775
- Bảo hiểm thất nghiệp;	9.690.800	10.551.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.966.656.485	13.426.723.384
Nguyễn Hữu Minh (*)	*8.443.818.893*	*8.452.491.090*
Nguyễn Thành An (*)	*6.139.310.127*	*1.894.729.567*
Cổ tức phải trả Tổng Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị	-	*301.243.400*
Các đối tượng khác	*1.383.527.465*	*2.778.259.327*
Cộng	**16.286.810.253**	**13.701.031.944**

(*) Là khoản phải trả ông Nguyễn Hữu Minh, Ngô Thành An theo các hợp đồng xây dựng, lắp đặt cơ khí.

b) Phải trả khác là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

19. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dài hạn		
Doanh thu trả trước về cho thuê đất	9.429.909	27.000.127
Cộng	**9.429.909**	**27.000.127**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2017 VND		Trong năm VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	***7.421.599.300***	***7.421.599.300***	***10.004.925.955***	***11.353.975.803***	***8.770.649.148***	***8.770.649.148***
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	-	-	-	847.800.728	847.800.728	847.800.728
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (1)	1.508.799.300	1.508.799.300	5.548.350.750	4.039.551.450	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Diêm Điền	750.000.000	750.000.000	-	-	750.000.000	750.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân (2)	5.162.800.000	5.162.800.000	4.456.575.205	5.288.875.205	5.995.100.000	5.995.100.000
Vay cá nhân (*)	-	-	-	1.177.748.420	1.177.748.420	1.177.748.420
b) Vay dài hạn	**2.800.000**	**2.800.000**	**-**	**-**	**2.800.000**	**2.800.000**
Vay cá nhân	2.800.000	2.800.000	-	-	2.800.000	2.800.000
Cộng	**7.424.399.300**	**7.424.399.300**	**10.004.925.955**	**11.353.975.803**	**8.773.449.148**	**8.773.449.148**

(1) Hợp đồng tín dụng số 14-03/2017-HĐTDHM/NHCT131-CĐ ngày 25/01/2017 với hạn mức 5.000.000.000 VND; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/12/2017; lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm và chi có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, lãi suất được điều chỉnh 1 tháng/lần; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; tài sản đảm bảo theo hợp đồng đảm bảo số 335-3/2010 ngày 1/11/2010 là toàn bộ máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất gạch không nung; hợp đồng đảm bảo số 2533/HDTC ngày 1/12/2009, tài sản thế chấp là trụ sở văn phòng làm việc; hợp đồng đảm bảo số 615-3/2015/HĐTC ngày 29/12/2011 hạng mục nhà dưỡng hộ thuộc nhà máy gạch không nung.

(2) Khoản vay ngắn hạn của các cá nhân theo giấy báo huy động vốn, thời hạn vay 1 tháng - 06 tháng, lãi suất vay theo từng lần huy động vốn (0% - 8,4%/năm).

(*) Giảm do trong năm Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Cầu Đuống Hải Phòng - Công ty con.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	**34.649.950.000**	**769.975.000**	**(840.000)**	**(13.452.502.716)**	**21.966.582.284**
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.918.301.296	**4.918.301.296**
Giảm khác (*)		-	-	(8.573.363)	**(8.573.363)**
Số dư tại ngày 31/12/2016	**34.649.950.000**	**769.975.000**	**(840.000)**	**(8.542.774.783)**	**26.876.310.217**
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-		-
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.387.337.081	**7.387.337.081**
Tăng khác (*)	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	**34.649.950.000**	**769.975.000**	**(840.000)**	**(1.155.437.702)**	**34.263.647.298**

21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn góp của các cổ đông sáng lập	14.789.950.000	14.789.950.000
Vốn góp của các cổ đông khác	19.860.000.000	19.860.000.000
Cộng	**34.649.950.000**	**34.649.950.000**

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	34.649.950.000	34.649.950.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	34.649.950.000	34.649.950.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21.4 Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.464.995	3.464.995
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.464.995	3.464.995
- Cổ phiếu phổ thông	*3.464.995*	*3.464.995*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	84	84
- Cổ phiếu phổ thông	*84*	*84*
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.464.911	3.464.911
- Cổ phiếu phổ thông	*3.464.911*	*3.464.911*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

21.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2017
Quỹ đầu tư phát triển	10.353.131.528	-	-	10.353.131.528
Cộng	**10.353.131.528**	**-**	**-**	**10.353.131.528**

**** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp***

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

22. Nguồn kinh phí

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp (số âm)	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	200.000.000	200.000.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (USD)	15.736,45	4.422,94

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	2.408.074.167	1.842.275.721
Doanh thu bán các thành phẩm	18.696.157.580	38.959.524.684
Doanh thu vận chuyển, cơ khí, xây lắp	12.797.342.718	22.764.603.974
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	8.863.135.758	6.364.516.924
Cộng	**42.764.710.223**	**69.930.921.303**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hoá, vật tư đã bán	1.658.772.703	1.414.252.886
Giá vốn của thành phẩm đã bán	14.297.283.191	29.716.193.501
Giá vốn hoạt động vận chuyển, cơ khí, xây lắp	12.541.378.585	22.309.292.797
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	1.732.437.273	1.422.940.423
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(302.071.126)	-
Cộng	**29.927.800.626**	**54.862.679.607**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	469.285.831	95.912.898
Lãi dự thu tiền gửi	33.565.527	-
Lãi do thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	2.674.687.270	-
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	231.705	1.892.272
Cộng	**3.177.770.333**	**97.805.170**

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	167.288.929	228.635.276
Chi phí tài chính khác	887.496.469	1.022.185
Cộng	**1.054.785.398**	**229.657.461**

5. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	81.818.182	1.020.000.000
Thu từ bán phế liệu	7.075.000	96.272.734
Thu nhập từ công nợ không phải trả	162.333.432	266.396.199
Thu nhập từ tiền đặt cọc mua cổ phần	300.000.000	-
Các khoản khác	26.920.184	112.575.670
Cộng	**578.146.798**	**1.495.244.603**

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhượng bán thanh lý tài sản cố định	-	922.010.467
Chi phí trợ cấp thôi việc làm, giám định sức khỏe cho công nhân	36.691.200	119.316.625
Chi phí phạt chậm nộp tiền thuế đất	123.062.529	-
Chi phí khác	1.296.133.273	3.045.955
Cộng	**1.455.887.002**	**1.044.373.047**

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	1.229.184.629	1.534.860.083
Chi phí vật liệu quản lý	59.353.850	28.000.365
Chi phí đồ dùng văn phòng	249.340.753	252.186.296
Chi phí khấu hao TSCĐ	249.883.804	1.657.914.946
Thuế, phí và lệ phí	3.917.872.850	4.877.346.857
Chi phí dự phòng	-	452.455.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.766.908	299.440.470
Chi phí bằng tiền khác	1.915.441.882	587.869.581
Cộng	**7.738.844.676**	**9.690.074.537**
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	84.185.635	174.486.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	171.259.900
Chi phí bằng tiền khác	780.247.130	1.436.246.791
Cộng	**864.432.765**	**1.781.993.291**
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	384.397.832	-
Cộng	**384.397.832**	**-**

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.075.730.348	20.690.073.595
Chi phí nhân công	13.703.845.418	21.928.173.592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.500.947.277	4.490.485.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.256.854.237	5.139.103.393
Chi phí khác bằng tiền	5.958.242.037	4.197.672.825
Cộng	**37.264.414.981**	**56.445.508.920**

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(50.170.139)
Cộng	**-**	**(50.170.139)**

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.387.337.081	4.918.301.296
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.387.337.081	4.918.301.296
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.464.911	3.464.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.132	1.419

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

1. Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Điều chỉnh giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vào số huy động vốn, số nợ thực tế tại Công ty CP Cầu Đuống Hải Phòng	-	712.731.680

2. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giảm khoản vay do thanh lý Công ty con	1.177.748.420	-

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
3. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	10.004.925.955	8.214.715.428
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;	10.176.227.383	10.830.193.680

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Hữu Minh	Giám đốc xí nghiệp cơ khí
Ông Ngô Thành An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi tạm ứng	***13.820.990.744***	***21.363.751.851***
Ông Nguyễn Hữu Minh	10.614.190.744	14.821.854.671
Ông Ngô Thành An	3.206.800.000	6.541.897.180

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thu tạm ứng	***8.704.651.344***	***27.222.697.241***
Ông Nguyễn Hữu Minh	8.219.651.344	20.341.370.967
Ông Ngô Thành An	485.000.000	6.881.326.274

Số dư với các bên liên quan

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản phải trả khác	***14.583.129.020***	***10.347.220.657***
Ông Nguyễn Hữu Minh	8.443.818.893	8.452.491.090
Ông Ngô Thành An	6.139.310.127	1.894.729.567
Tạm ứng	***6.189.529.083***	***1.073.189.683***
Ông Nguyễn Hữu Minh	3.407.729.083	1.013.189.683
Ông Ngô Thành An	2.781.800.000	60.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương, thưởng	514.262.700	446.021.000
Cộng	**514.262.700**	**446.021.000**

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Cầu Đuống đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Chử Đình Dũng	Chử Đình Dũng	Ngô Đức Dũng